**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN ĐỊA LÍ LỚP 12 BÀI 31:**

**VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI, DU LỊCH**

**Câu 1:**  Trong hoạt động về kinh tế đối ngoại ở nước ta hiện nay, quan trọng nhất là

**A.** Hoạt động ngoại thương (xuất nhập khẩu).

**B.** Hợp tác quốc tế về đầu tư và lao động.

**C.** Du lịch quốc tế và các hoạt động thu ngoại tệ khác.

**D.** Tất cả các ý trên.

**Câu 2:**  Tình trạng nhập siêu trong cán cân xuất nhập khẩu của nước ta giai đoạn 1995 – 2010 chủ yếu là do

**A.** Nền kinh tê đang trong giai đoạn đầu tư, đổi mới, tăng năng lực sản xuất

**B.** Nền kinh tế phát triển chậm, mặt hàng xuất khẩu ít và chất lượng kém, chủ yếu là hàng thô

**C.** Dân số đông, nhu cầu nhập khẩu hàng tiêu dùng rất lớn

**D.** Tài nguyên thiên nhiên hạn chế, thiều nguồn nhiên liệu cho sản xuất

**Câu 3:**  Trong những năm gần đây, cán cân ngoại thương của nước ta thay đổi theo hướng cân đối hơn, cụ thể là:

**A.** Giá trị nhập khẩu luôn cao hơn giá trị xuất khẩu

**B.** Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu luôn bằng tốc độ tăng giá trị nhập khẩu

**C.** Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu cao hơn tốc độ tăng giá trị nhập khẩu

**D.** Giá trị xuất khẩu tăng, giá trị nhập khẩu giảm

**Câu 4:**  Sự kiện nào sau đây ít ảnh hưởng đến ngoại thương nước ta ?

**A.** Cộng đồng kinh tế ASEAN ( AEC) được thành lập

**B.** Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương ( TPP) được kí kết

**C.** Cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kì năm 2016

**D.** Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức Thương mại thế giới (WTO)

**Câu 5:**  Kim ngạch nhập khẩu của nước ta trong những năm gần đây tăng khá mạnh là do

**A.** Dân số đông, nhu cầu tiêu dùng cao, trong khi sản xuất chưa phát triển

**B.** Kinh tế nước ta phát triển chậm chưa đáp ứng nhu cầu trong nước

**C.** Sự phục hồi và phát triển của sản xuất và tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu

**D.** Phần lớn dân cư chỉ dùng hàng ngoại nhập, không dùng hàng trong nước

**Câu 6:**  Cho bảng số liệu

Cơ cấu khách quốc tế đến Việt Nam phân theo phương tiện vận chuyển năm 2005 và 2014

(Đơn vị: %)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | 2005 | 2014 |
| Đường hàng không | 67,1 | 78,1 |
| Đường thuỷ | 5,8 | 1,7 |
| Đường bộ | 27,1 | 20,2 |

Biểu đồ nào thể hiện thích hợp nhất cơ cấu khách quốc tế đến Việt Nam phân theo phương tiện vận chuyển năm 2005 và 2014?

**A.** Biểu đồ kết hợp. **B.** Biểu đồ cột. **C.** Biểu đồ đường. **D.** Biểu đồ tròn.

**Câu 7:**  Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu hàng xuất khẩu của nước ta hiện nay là :

**A.**  Khoáng sản. **B.** Hàng công nghiệp nặng.

**C.** Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công. **D.** Hàng nông, lâm, thuỷ sản.

**Câu 8:**  Căn cứ vào Atlat trang 25, hãy xác định các trung tâm du lịch có ý nghĩa quốc gia là

**A.** Hà Nội, Huế, Đà Nẳng, Tp. Hồ Chí Minh.

**B.** Lạng Sơn, Hạ Long, Hải Phòng, Vinh

**C.** Quy Nhơn. Đà Lạt, Nha Trang, Buôn Ma Thuột.

**D.** Cần thơ, Phú Quốc, Cà Mau, Tây Ninh.

**Câu 9:**  Nhân tố nào sau đây được cho là quan trọng nhất thúc đẩy du lịch nước ta phát triển?

**A.** Tình hình chính trị ổn định. **B.** Tài nguyên du lịch phong phú.

**C.** Đời sống nhân dân được nâng cao. **D.** Chất lượng phục vụ ngày càng tốt.

**Câu 10:**  Dựa vào biểu đồ xuất nhập khẩu hàng hoá qua các năm (Atlat ĐLVN trang 24), năm 2007 nước ta nhập siêu là bao nhiêu tỉ USD?

**A.** 5,2 tỉ USD. **B.** 10,2 tỉ USD.

**C.** 14,2 tỉ USD. **D.** 15,2 tỉ USD.

**Câu 11:**  Giai đoạn 1990 – 2005 , xuất khẩu nước ta

**A.** Liên tục có giá trị thấp hơn so với nhập khẩu

**B.** Có mặt hàng chủ lực là các sản phẩm chế biến và tinh chế

**C.** Đã có năm đạt giá trị cao hơn so với nhập khẩu ( xuất siêu)

**D.** Liên tục có giá trị cao hơn so với nhập khẩu

**Câu 12:**  Căn cứ vào Atlat ĐLVN trang 24, hãy cho biết ở Tây Nguyên, tỉnh có tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo đầu người dưới 4 triệu đồng/người là

**A.** Kon Tum **B.** Lâm Đồng.

**C.** Gia Lai. **D.** Đắk Nông.

**Câu 13:**  Đây là một trong những đổi mới về cơ chế hoạt động xuất nhập khẩu của nước ta.

**A.**  Mở rộng thị trường sang các nước thuộc khu vực II và III.

**B.** Từng bước hội nhập vào thị trường thế giới.

**C.** Mở rộng quyền hoạt động cho các ngành và các địa phương.

**D.** Duy trì và phát triển ở các thị trường truyền thống.

**Câu 14:**  Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm:

**A.** khí hậu, nước, sinh vật, lễ hội.

**B.** địa hình, sinh vật, làng nghề, ẩm thực.

**C.** địa hình, khí hậu, nước, sinh vật.

**D.** địa hình, di tích, lễ hội, sinh vật.

**Câu 15:**  Phú Quốc trở thành một điểm du lịch hấp dẫn

**A.** Mặc dù chưa có sân bay quốc tế

**B.** Do được thiên nhiên ưu đãi và được đầu tưu mạnh

**C.** Vì có di sản văn hóa thế giới

**D.** Vì là một di sản thiên nhiên thế giới

**Câu 16:**  Nhân tố nào sau đây được cho là quan trọng nhất thúc đẩy du lịch nước ta phát triển?

**A.** Tình hình chính trị ổn định. **B.** Tài nguyên du lịch phong phú.

**C.** Đời sống nhân dân được nâng cao. **D.** Chất lượng phục vụ ngày càng tốt.

**Câu 17:**  Năm 2005, kim ngạch xuất khẩu của nước ta là 32 441 triệu USD, kim ngạch nhập khẩu là 36 978 triệu USD. Số liệu nào sau đây chưa chính xác ?

**A.** Cán cân xuất nhập khẩu là 4537 triệu USD.

**B.** Nước ta nhập siêu 4537 triệu USD.

**C.** Tỉ lệ xuất nhập khẩu là 87,7%.

**D.** Cơ cấu xuất nhập khẩu là 46,7% và 53,3%.

**Câu 18:**  Hoạt động du lịch biển của các tỉnh phía Nam có thể diễn ra quanh năm vì

**A.** giá cả hợp lý. **B.** nhiều bãi biển đẹp.

**C.** không có mùa đông lạnh. **D.** cơ sở lưu trú tốt.

**Câu 19:**  Ngành du lịch thật sự phát triển từ sau năm 1990 cho đến nay là nhờ

**A.** nước ta giàu tiềm năng phát triển du lịch.

**B.** quy hoạch các vùng du lịch.

**C.** phát triển các điểm du lịch.

**D.** chính sách Đổi mới của Nhà nước.

**Câu 20:**  Ý nào sau đây không đúng khi nói về phong trào người Việt dùng hàng Việt có ý nghĩa

**A.** thúc đẩy các ngành sản xuất trong nước phát triển.

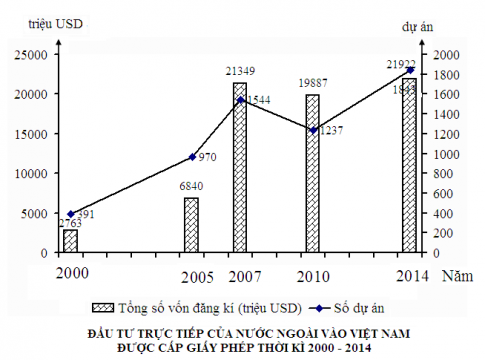
**B.** giảm sự phụ thuộc vào hàng nhập khẩu.

**C.** thay đổi thói quen sính hàng ngoại nhập.

**D.** tăng tổng mức bán lẻ hàng hoá.

**Câu 21:**  Cho biểu đồ

Hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?



**A.** Tổng số vốn đăng kí và số dự án tăng ổn định.

**B.** Đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam tăng không ổn định.

**C.** Tổng số vốn đăng kí tăng chậm hơn số dự án.

**D.** Quy mô của các dự án giảm mạnh đến năm 2010, sau đó lại tăng.

**Câu 22:**  Hiện nay, thi trường buôn bán của nước ta được mở rộng

**A.** Theo hướng chú trọng đến các nước xã hội chủ nghĩa cũ

**B.** Theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa

**C.** Nhưng chưa có quan hệ với các nước Tây Âu

**D.** Nhưng chưa có quan hệ với các nước Mĩ La Tinh

**Câu 23:**  Hàng nhập khẩu chiếm tỉ trọng cao nhất ở nước ta hiện nay là :

**A.** Lương thực, thực phẩm. **B.** Nguyên, nhiên vật liệu.

**C.** Máy móc thiết bị. **D.** Hàng tiêu dùng.

**Câu 24:**  Dựa vào bảng số liệu sau đây về cơ cấu giá trị hàng xuất khẩu của nước ta.

(Đơn vị : %)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhóm hàng | 1995 | 1999 | 2000 | 2002 | 2005 |
| Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản | 25,3 | 31,3 | 37,2 | 29,0 | 29,0 |
| Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công | 28,5 | 36,8 | 33,8 | 41,0 | 44,0 |
| Hàng nông, lâm, thuỷ sản | 46,2 | 31,9 | 29,0 | 30,0 | 27,0 |

Nhận định nào sau đây chưa chính xác ?

**A.**  Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản tăng tỉ trọng do sản lượng và giá dầu thô tăng.

**B.** Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công tăng nhanh nhờ đẩy mạnh công nghiệp hoá.

**C.** Hàng nông, lâm, thuỷ sản giảm do giảm bớt việc xuất các nông sản thô mà chuyển qua chế biến.

**D.** Giai đoạn 1995 - 2000 có sự tiến bộ hơn so với giai đoạn 2000 - 2005.

**Câu 25:**  Thị trường xuất nhập khẩu của nước ta hiện nay có đặc điểm :

**A.** Thị trường xuất khẩu trùng khớp với thị trường nhập khẩu.

**B.** Hoa Kì là thị trường xuất khẩu lớn nhất còn châu Á là thị trường nhập khẩu lớn nhất.

**C.** Hoa Kì là thị trường xuất khẩu lớn nhất, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất.

**D.** Các nước ASEAN là thị trường xuất khẩu lớn nhất, Hoa Kì là thị trường nhập khẩu lớn nhất.

**Câu 26:**  Các thị trường nhập khẩu hàng hóa chủ yếu của nước ta những năm gần đây là

**A.** Các nước châu Phi và Mĩ La tinh

**B.** Các nước ASEAN và châu Phi

**C.** Khu vực Tây Á và các nước ASEAN

**D.** Khu vực châu Á – Thái Bình Dương và châu Âu

**Câu 27:**  Khu vực chiếm tỉ trọng cao nhất trong hoạt động nội thương của nước ta là :

**A.** Nhà nước. **B.** Tập thể.

**C.** Tư nhân, cá thể. **D.** Nước ngoài.

**Câu 28:**  Hồ nước tự nhiên trở thành điểm tham quan du lịch nổi tiếng ở nước ta là

**A.** Dầu Tiếng **B.** Hòa Bình **C.** Ba Bể **D.** Thác Bà

**Câu 29:**  Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 24, trong giai đoạn 1995- 2007 tổng mức bản lẻ hàng háo và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước tăng lên gần:

**A.** 3,2 lần **B.** 4,2 lần **C.** 5,2 lần **D.** 6,2 lần

**Câu 30:**  Căn cứ vào biểu đồ Cơ cấu giá trị xuất – nhập khẩu năm 2007 của nước ta ở Atlat địa lí Việt Nam trang 24, mặt hàng xuất khẩu có tỉ trọng cao nhất là

**A.** Công nghiệp nặng và khoáng sản **B.** Nông, lâm sản

**C.** Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp **D.** Thủy sản

**Câu 31:**  Đây không phải là đặc điểm hoạt động nội thương của nước ta thời kì sau Đổi mới.

**A.** Đã hình thành hệ thống chợ có quy mô lớn bên cạnh hệ thống chợ quê.

**B.** Cả nước có một thị trường thống nhất, tự do lưu thông hàng hoá.

**C.** Hàng hoá ngày càng đa dạng, chất lượng ngày càng được nâng lên.

**D.** Đáp ứng ngày càng cao nhu cầu hàng hoá cho người dân.

**Câu 32:**  Cho bảng số

Quy mô và cơ cấu số khách du lịch quốc tế đến Việt Nam phân theo phương tiện đến trong giai đoạn 2000 – 2014

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại hình | Năm 2000 | Năm 2014 |
| Tổng số khách (nghìn lượt) | 2140,1 | 7959,9 |
| Đường hàng không(%) | 52,0 | 78,1 |
| Đường thuỷ (%) | 12,0 | 1,7 |
| Đường bộ (%) | 36,0 | 20,2 |

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết nhận xét nào dưới đây không đúng về số lượt khách quốc tế và cơ cấu của nó phân theo phương tiện đến Việt Nam trong giai đoạn 2000 – 2014?

**A.** Tổng số khách quốc tế tăng 3,7 lần.

**B.** Đường hàng không đóng vai trò chủ đạo, tỉ trọng có xu hướng tăng nhanh.

**C.** Đường thuỷ luôn chiếm tỉ trọng thấp nhất và có xu hướng giảm nhanh.

**D.** Đường bộ có xu hướng tăng nhanh về tỉ trọng.

**Câu 33:**  Tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm:

**A.** khí hậu, nước, sinh vật, lễ hội.

**B.** di tích, lễ hội, làng nghề, ẩm thực.

**C.** địa hình, khí hậu, nước, sinh vật.

**D.** địa hình, di tích, lễ hội, sinh vật.

**Câu 34:**  Các trung tâm du lịch lớn nhất nước ta xếp theo thứ tự từ Bắc vào Nam là :

**A.** Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Huế - Đà Nẵng **B.** Hà Nội, Huế - Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh

**C.** Huế - Đà Nẵng, Hà Nội, TP Hồ Chí Minh **D.** TP Hồ CHí Minh, Huế - Đà Nẵng, Hà Nội

**Câu 35:**  Ý nào dưới đây chưa chính xác khi nói về những biện pháp đồng bộ nhằm phát triển du lịch bền vững ở nước ta ?

**A.** Tăng cường tuyên truyền, bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch

**B.** Tập trung tạo ra các sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của dân cư địa phương

**C.** Phát triển các cơ sở du lịch theo quy hoạch của Nhà nước

**D.** Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực du lịch có chất lượng

**Câu 36:**  Dựa vào Atlat ĐLVN trang 24, hãy cho biết thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta hiện nay là các quốc gia nào sau đây?

**A.** Ấn Độ, Nhật Bản, Canada. **B.** Liên Bang Nga, Pháp, Hoa Kỳ.

**C.** Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc. **D.** Singapor, Ba Lan, Hàn Quốc.

**Câu 37:**  Cho bảng số liệu  
Cơ cấu hành khách vận chuyển phân theo thành phần kinh tế

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | 2005 | 2013 |
| Nhà nước | 22 | 0,6 |
| Ngoài Nhà nước | 77 | 82,4 |
| Có vốn đầu tư nước ngoài | 1 | 0,6 |

Hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng với các biểu đồ trên?

**A.** Giảm tỉ trọng hành khách vận chuyển ở ở thành phần kinh tế Nhà nước.

**B.** Tăng tỉ trọng hành khách vận chuyển ở ở thành phần kinh tế ngoài Nhà nước.

**C.** Cơ cấu hành khách vận chuyển phân theo thành phần kinh tế ít có sự thay đổi.

**D.** Hành khách vận chuyển ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có tỉ trọng rất nhỏ.

**Câu 38:**  Dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu 17 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta hiện nay là :

**A.** Hàng may mặc. **B.** Hàng thuỷ sản. **C.** Gạo. **D.** Dầu thô.

-----------------------------------------------

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | A | 9 | C | 17 | A | 25 | B | 33 | B |
| 2 | A | 10 | C | 18 | C | 26 | D | 34 | B |
| 3 | C | 11 | C | 19 | C | 27 | C | 35 | B |
| 4 | C | 12 | A | 20 | D | 28 | C | 36 | C |
| 5 | C | 13 | C | 21 | B | 29 | D | 37 | C |
| 6 | D | 14 | C | 22 | B | 30 | C | 38 | D |
| 7 | C | 15 | B | 23 | B | 31 | A |  |  |
| 8 | A | 16 | A | 24 | D | 32 | D |  |  |